

TĂNG CƯỜNG SẴN SÀNG THỰC HIỆN ĐIỀU 6 CỦA THỎA THUẬN PARIS VÀ HOÀN THIỆN KHUNG TIÊU CHUẨN TÍN CHỈ CÁC-BON BÙ TRỪ

Sản phẩm 2: Đánh giá kỹ thuật và phân tích khoảng trống trong các khung quy định của Việt Nam về thực hiện Điều 6

Tháng 3 năm 2026

1. Giới thiệu

2. Các thành phần chức năng và yêu cầu về quy trình

3. Thông lệ quốc tế

4. Phân tích bối cảnh và mức độ sẵn sàng về pháp lý của Việt Nam

5. Phân tích khoảng trống

6. Khuyến nghị

1. Giới thiệu

- ✓ **Cơ sở pháp lý:** Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) 2020 cung cấp nền tảng cho Hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải trong nước (ETS) và bù đắp tín chỉ các-bon
Mục tiêu: Cung cấp đánh giá kỹ thuật và phân tích khoảng trống đối với khung pháp lý thực hiện Điều 6 của Việt Nam, phục vụ mức độ sẵn sàng về chính sách
Phạm vi mở rộng: Tiếp nối những tiến bộ chính sách nhanh chóng, báo cáo D2 bao gồm việc rà soát và phân tích khoảng trống của Dự thảo Nghị định về trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon (Dự thảo Nghị định về ITMOs), được công bố để lấy ý kiến công chúng từ ngày 24 tháng 10 đến ngày 3 tháng 11 năm 2025.
- ✓ **Các nội dung phân tích cốt lõi:**
 - Đánh giá kinh nghiệm quốc tế trong việc thực hiện Điều 6
 - Đánh giá mức độ sẵn sàng về thể chế và kỹ thuật của Việt Nam
 - Phân tích khoảng trống của Dự thảo Nghị định về ITMO để đảm bảo sự phù hợp với các tiêu chuẩn toàn cầu

2. Các thành phần chức năng và yêu cầu về quy trình

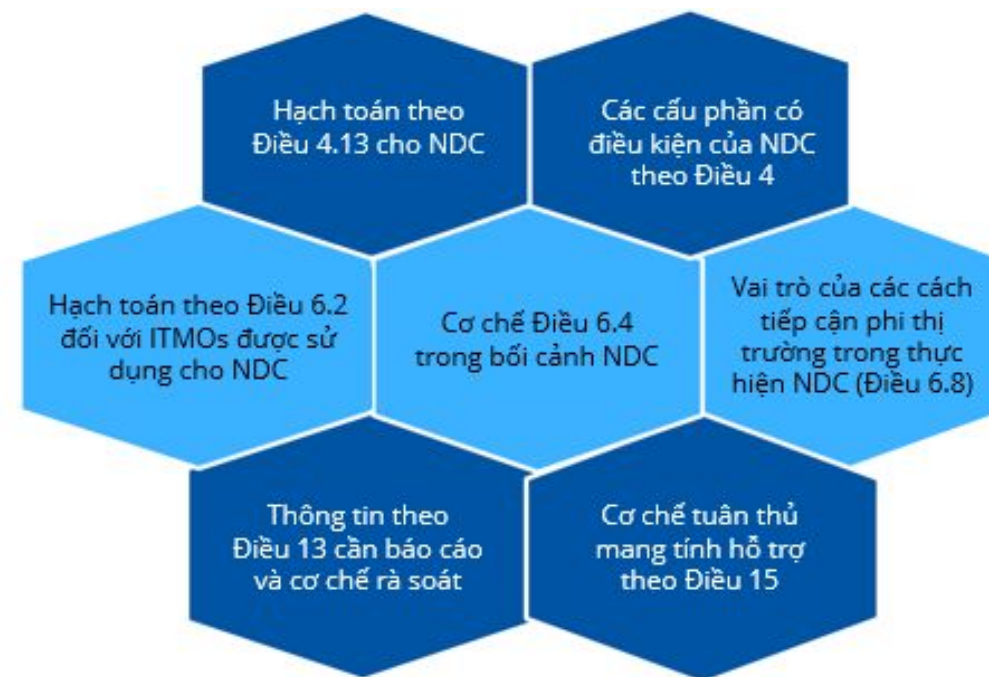
2.1 Tổng quan về khung pháp lý quốc tế

Các mốc quy định chính (Quyết định COP / CMA):

- ✓ COP26 (Glasgow, 2021): Thông qua “Bộ quy tắc” Điều 6, thiết lập các quy tắc kế toán cho ITMO (Điều 6.2) và Cơ chế Điều 6.4
- COP29 (Baku, 2024): Hoàn thiện các quy định về khả năng tương tác của hệ thống đăng ký, quy trình cấp phép và định nghĩa về "làn chuyển giao đầu tiên"
- COP30 (Belém, 2025): Tập trung vào việc đảm bảo tính toàn vẹn của môi trường, các phương pháp luận dựa trên cơ sở khoa học và quá trình chuyển đổi cuối cùng của các dự án CDM (hạn chót tháng 6 năm 2026)

Yêu cầu chức năng cốt lõi đối với các Bên:

- ✓ Kế toán & tính toán vẹn: áp dụng điều chỉnh tương ứng (CA) để tránh tính trùng (double counting)
 Tính minh bạch: điều chỉnh việc báo cáo Điều 6 với Khung minh bạch tăng cường (ETF) theo Điều 13 (thông qua các Báo cáo minh bạch hai năm một lần - BTR)
 Quản trị: thiết lập các quy trình quốc gia về việc cấp phép cho các kết quả giảm nhẹ và theo dõi lộ trình của ITMO



Mối liên hệ giữa Điều 6 và các điều khoản khác của Thỏa thuận Paris

2. Các thành phần chức năng và yêu cầu về quy trình

2.2 Các thành phần chức năng của khung quốc gia

Bước quy trình

- **Tính đủ điều kiện và phê duyệt:** Xác định tiêu chí cho ITMO và quy trình phê duyệt dự án/chương trình quốc gia.
Cấp phép: Các quy trình chính thức để cấp phép cho ITMO và các giảm phát thải được phê duyệt theo Điều 6.4 (A6.4ER)
- **MRV & kế toán:** Hệ thống đo đạc, báo cáo và thẩm định (MRV) chặt chẽ cùng với việc áp dụng Điều chỉnh tương ứng (CA) để tránh tính trùng.
- **Báo cáo:** Phù hợp với Khung minh bạch tăng cường (ETF) theo Điều 13.

Thành phần thể chế

- **Cơ quan quốc gia:** Xác định vai trò của cơ quan đầu mối (Bộ NNMT/ Cục BĐKH).
- **Phối hợp liên bộ/ngành:** Đảm bảo sự liên kết giữa Bộ NNMT và các bộ ngành (Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, v.v.).
- **Sự tham gia của các bên liên quan:** Các cơ chế chính thức để tham vấn khu vực tư nhân và cộng đồng địa phương.

Biện pháp bảo vệ xuyên suốt

- **Phù hợp với NDC:** Quản lý tỷ lệ chuyển giao nhằm đảm bảo không ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu quốc gia.
- **Phát triển bền vững:** Tích hợp các biện pháp bảo vệ và cơ chế chia sẻ lợi ích.
- **Chiến lược tài chính:** Tận dụng Điều 6 để huy động nguồn vốn tư nhân cho các lĩnh vực có chi phí giảm nhẹ phát thải cao (ví dụ: điện gió ngoài khơi, hydro xanh).

3. Thông lệ quốc tế

Bối cảnh chiến lược và bức tranh toàn cầu


Quá trình vận hành nhanh chóng: Tính đến tháng 2 năm 2026, thị trường Điều 6 toàn cầu đã đạt **108 thỏa thuận song phương, với 65 dự án được cấp phép và hơn 30 quốc gia** đã ban hành các quy định nội địa

Góc nhìn từ hai phía:

- Các quốc gia mua (Bên mua): Tập trung vào việc đảm bảo các kết quả giảm nhẹ phát thải được chuyển giao quốc tế (ITMO) chất lượng cao, tính toàn vẹn môi trường và phát triển bền vững
- Các quốc gia chủ nhà (Bên bán): Tập trung vào các khung giám sát, quy trình cấp phép và các cơ chế chia sẻ lợi ích nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia và các mục tiêu NDC

Lựa chọn nghiên cứu điển hình: Báo cáo phân tích 18 quốc gia/ khu vực pháp lý được lựa chọn dựa trên quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam, sự đa dạng của mô hình quản lý và mức độ hoàn thiện trong quá trình thực thi

Chính sách và chiến lược




Các mục tiêu và phương thức tham gia Điều 6, bao gồm mục đích sử dụng ITMO đã được phê duyệt, danh mục các hoạt động đủ điều kiện, các biện pháp ngăn chặn tình trạng bán quá mức, chi phí hành chính, các chương trình và phương pháp luận tạo tín chỉ các-bon đủ điều kiện

Khung pháp lý và quy định



Hệ thống văn bản luật và quy định phục vụ việc thực thi Điều 6, bao quát các nguyên tắc về tính toàn vẹn môi trường và mục tiêu phát triển bền vững, các lĩnh vực và hoạt động đủ điều kiện, yêu cầu đối với hoạt động giảm nhẹ, tiêu chí phê duyệt, v.v...

Quy trình, hạ tầng và thiết chế tổ chức







Các hệ thống quản lý và cơ sở hạ tầng phục vụ việc vận hành, bao gồm cấu trúc quản trị, quy trình phê duyệt, các yêu cầu đối với dự án các-bon và đơn vị thực hiện dự án, các quy định về hệ thống đăng ký

Khung đánh giá

Mục tiêu chiến lược: Việc hiểu rõ các yêu cầu của đối tác song phương là yếu tố thiết yếu để hài hòa hóa khung pháp lý trong nước của Việt Nam với các kỳ vọng của thị trường quốc tế







3. Thông lệ quốc tế

3.1 Kinh nghiệm từ các quốc gia mua tiềm năng

Quốc gia mua	Chính sách và Chiến lược	Khung pháp lý và quy định	Thủ tục và cơ cấu tổ chức vận hành
Thụy Sĩ 	<ul style="list-style-type: none"> Ký kết thỏa thuận song phương với nhiều nước; FOEN (Văn phòng Môi trường Liên bang) là cơ quan trung ương. Quỹ KliK là đơn vị thu mua chính và là bên đối tác với các chủ dự án. Xác nhận sử dụng ITMO đến năm 2035, nhưng chưa xác định khối lượng dự kiến. Giá ITMO tương đối cao, nhưng có danh mục loại trừ cụ thể (ineligibility list). Chấp nhận nhiều tiêu chuẩn và phương pháp luận các-bon khác nhau, bao gồm cả việc tùy chỉnh từ cơ chế CDM. 	<p>Cơ sở pháp lý rõ ràng cùng các quy tắc và quy định chi tiết. Các quy tắc và thủ tục được hệ thống hóa thành các quy định, và những yêu cầu chi tiết được ban hành thông qua các thông báo thực thi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Thủ tục cấp phép bao gồm các bước chính: cấp phép, phê duyệt, thẩm định đạt yêu cầu, và chuyển giao. Thủ tục cấp phép chi tiết với thời gian và biểu phí cụ thể. Các yêu cầu bao trùm hoạt động MRV và mở rộng đến Tài liệu Thiết kế Dự án (PDD), bao gồm cả phân tích tính bổ sung. Hệ thống đăng ký quốc gia được liên kết với hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải (ETS).
Nhật Bản (JCM) 	<ul style="list-style-type: none"> Cơ chế Tín chỉ Chung (JCM) song phương với các ủy ban hỗn hợp. Tập trung vào chuyển giao công nghệ và chia sẻ các kết quả giảm nhẹ dựa trên hỗ trợ đầu tư. Tính kinh tế của các dự án JCM và việc định giá sẽ được hướng dẫn bởi mức giá trần và giá sàn của hệ thống GX-ETS. Yêu cầu sự tham gia của các doanh nghiệp/thực thể Nhật Bản trong dự án theo Điều 6, ví dụ như nhà cung cấp giải pháp công nghệ hoặc nhà đầu tư. Cách tiếp cận tùy chỉnh đối với các phương pháp luận, phát triển và phê duyệt theo hướng từ dưới lên (bottom-up). 	<p>Cơ sở pháp lý rõ ràng cùng các quy tắc và quy định chi tiết để vận hành cơ chế JCM.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Cần phải xây dựng và được phê duyệt phương pháp luận dự án trước khi phát triển và thực hiện dự án, điều này có thể tạo ra điểm nghẽn. Các dự án chủ yếu được đăng ký trên Hệ thống đăng ký JCM, nơi các tín chỉ JCM được phát hành.
Hàn Quốc 	<ul style="list-style-type: none"> Các dự án được cấu trúc xoay quanh các khoản trợ cấp của chính phủ và các hợp đồng thu mua tín chỉ tiềm năng với chính phủ. Nếu không, các ITMO sẽ được chuyển đổi thành tín chỉ bù đắp cho hệ thống ETS trong nước Việc sử dụng ITMO được xác nhận đến năm 2035, mặc dù khối lượng chính xác chưa được xác định. Yêu cầu sự tham gia của các doanh nghiệp/ thực thể Hàn Quốc trong dự án theo Điều 6, ví dụ như nhà cung cấp giải pháp công nghệ hoặc nhà đầu tư. Chấp nhận nhiều tiêu chuẩn và phương pháp luận các-bon khác nhau, bao gồm CDM và PACM. 	<p>Cơ sở pháp lý rõ ràng và các quy tắc, quy định chi tiết cho việc phát triển và thực hiện các dự án theo Điều 6.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Các thủ tục cấp phép bao gồm bốn bước chính: xem xét sơ bộ, cấp phép, thực hiện, phát hành và chuyển giao. Các hệ thống đăng ký điện tử đã được thiết lập để thực hiện các giao dịch chuyển giao quốc tế.
Singapore 	<ul style="list-style-type: none"> Điều 6 được lồng ghép vào chiến lược định giá các-bon quốc gia; có các Biên bản Ghi nhớ (MOU) song phương với các đối tác trên toàn thế giới. Việc sử dụng ITMO được xác nhận đến năm 2035, nhưng khối lượng dự kiến chưa được xác định. Chính phủ Singapore cho biết sẽ thực hiện quyền chọn mua các ITMO sau năm 2030 trong đợt đấu thầu ITMO thứ hai. Rất chọn lọc về các phương pháp luận - từ chối các phương pháp luận CDM đang hoạt động và đã được công nhận, không mở cửa cho các tiêu chuẩn tín chỉ quốc gia. Tham chiếu từ danh sách đủ điều kiện CORSIA của ICAO và các phương pháp luận đủ điều kiện theo Nguyên tắc các-bon Cốt lõi (CCP) của ICVCM. 	<p>Cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc sử dụng ITMO trong cơ chế thuế các-bon. Đã ban hành hướng dẫn cho các cơ sở phát thải trong nước về việc triệt tiêu (retirement) các ITMO.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Các thủ tục cấp phép bao gồm ba bước chính: nộp hồ sơ dự án, yêu cầu cấp phép và xin phát hành ITMO. Phụ thuộc vào các chương trình các-bon quốc tế cho các chức năng đăng ký, các yêu cầu liên quan đến MRV, ví dụ như phương pháp luận và các tổ chức VVB. Các phương pháp luận được xem xét riêng biệt trước khi phê duyệt và có thể áp dụng thêm các yêu cầu bổ sung về tính toàn vẹn môi trường.







3. Thông lệ quốc tế

3.2 Kinh nghiệm từ các quốc gia chủ nhà (bên bán) tiềm năng

Quốc gia bán	Chính sách và Chiến lược	Khung pháp lý và quy định	Thủ tục và cơ cấu tổ chức vận hành
 Campuchia	<ul style="list-style-type: none"> Bắt buộc sở hữu/giữ lại 10% lượng tín chỉ cho các mục tiêu NDC. Danh mục các dự án ưu tiên được dựa trên các hoạt động giảm nhẹ có điều kiện trong NDC. Chấp nhận mọi mục đích sử dụng ITMO đã được cấp phép, chấp nhận các tiêu chuẩn và phương pháp luận quốc tế. 	Sổ tay Hướng dẫn Vận hành Điều 6 hiện là tài liệu chính thức trên thực tế, do Cơ quan Thẩm quyền Quốc gia (DNA) ban hành.	<ul style="list-style-type: none"> Sổ tay Hướng dẫn Vận hành Điều 6 nêu chi tiết các cơ cấu tổ chức, thủ tục, yêu cầu và thời gian xử lý cho các bên liên quan khác nhau. Hệ thống Đăng ký Các-bon Campuchia (CCR) đang hoạt động và vẫn tiếp tục được hoàn thiện. Cho đến nay có rất ít dự án được cấp phép.
 Indonesia	<ul style="list-style-type: none"> Cách tiếp cận đối với Điều 6 được hướng dẫn bởi Quy định của Tổng thống số 110 năm 2025, chưa có chi tiết về danh mục dự án ưu tiên, biểu phí, hạn mức hoặc các biện pháp để tránh bán vượt mức. Chấp nhận các tiêu chuẩn và phương pháp luận quốc tế. 	Quy định của Tổng thống số 110 năm 2025 là quy định chung. Các quy định theo ngành và các văn bản pháp luật dưới luật khác đang được xây dựng.	<ul style="list-style-type: none"> Các cơ cấu tổ chức, thủ tục và yêu cầu chi tiết đang được xây dựng. Đã có hệ thống đăng ký các-bon quốc gia để ghi nhận các giao dịch tín chỉ các-bon và các dự án các-bon. Cho đến nay chưa có dự án nào được cấp phép.
 Thái Lan	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn về Tín chỉ các-bon Quốc tế đưa ra các quyết định chính sách quan trọng: Giới hạn việc sử dụng theo Điều 6 ở mức 3% mục tiêu NDC, bắt buộc giữ lại 10% tín chỉ. Có danh mục ưu tiên rộng bao gồm 9 lĩnh vực và danh mục dự án. Chấp nhận tiêu chuẩn T-VER, các tiêu chuẩn quốc tế và mọi mục đích sử dụng ITMO đã được cấp phép. Chính phủ không thu phí đối với Điều 6. 	Cơ sở pháp lý rõ ràng. Các hoạt động đủ điều kiện sẽ được hướng dẫn bởi các kế hoạch giảm nhẹ cấp ngành dựa trên Kế hoạch Hành động Giảm nhẹ NDC đến năm 2030.	<ul style="list-style-type: none"> Các thủ tục được thiết lập bài bản. Các báo cáo ban đầu và Báo cáo Minh bạch Đóng góp (BTR) đã được đệ trình lên UNFCCC. Tổ chức Quản lý Khí nhà kính Thái Lan (TGO) quản lý Hệ thống Đăng ký Tín chỉ các-bon Thái Lan. Đã hoàn thành thành công các đợt chuyển giao ITMO cho Thụy Sĩ và Nhật Bản.
 Nepal	<ul style="list-style-type: none"> Quy định Giao dịch các-bon 2082 (2025) nêu chi tiết danh mục dự án ưu tiên, cơ cấu phí dự án, tỷ lệ giữ lại 5% cho mỗi dự án và các quy tắc chia sẻ lợi ích. Chấp nhận các tiêu chuẩn và phương pháp luận quốc tế 	Cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể Quy định Giao dịch các-bon 2025 quy định các quy tắc và thủ tục chính cho việc thực hiện Điều 6.	<ul style="list-style-type: none"> Các cơ cấu tổ chức, thủ tục và yêu cầu chi tiết được mô tả trong Quy định Giao dịch các-bon. Sẽ thành lập một hệ thống đăng ký các-bon quốc gia.
 Lào	<ul style="list-style-type: none"> Nghị định về Tín chỉ các-bon bắt buộc giữ lại 10%, với nhiều lĩnh vực và danh mục dự án rộng rãi đủ điều kiện tham gia Điều 6. Chấp nhận các tiêu chuẩn các-bon quốc tế (GS, VCS và ART) và mọi mục đích sử dụng ITMO đã được cấp phép. 	Cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể là Nghị định về Tín chỉ các-bon, thiết lập các quy tắc và thủ tục chung.	<ul style="list-style-type: none"> Các cơ cấu tổ chức, thủ tục và yêu cầu chi tiết được mô tả trong Nghị định. Chưa có hệ thống đăng ký các-bon quốc gia. Cho đến nay chưa có đợt chuyển giao quốc tế nào theo Điều 6.
 Bu-tan	<ul style="list-style-type: none"> Khung Thị trường các-bon năm 2025 bao gồm danh mục dự án ưu tiên và phí CA theo từng hạn mức. Các quy định về chia sẻ doanh thu và đóng góp cho OMGE (Giảm nhẹ Phát thải Toàn cầu Tổng thể) đối với PACM cũng áp dụng cho mọi giao dịch Điều 6. Chấp nhận các tiêu chuẩn các-bon quốc tế và mọi mục đích sử dụng ITMO đã được cấp phép. 	Cơ sở pháp lý rõ ràng đã được thiết lập thông qua Quy tắc Thị trường các-bon 2023 và Khung Thị trường các-bon 2025.	<ul style="list-style-type: none"> Quản trị đa cấp: NEC/NCCC (Phụ trách Chính sách), DECC (Đóng vai trò DNA), và Đơn vị Thị trường các-bon (Phụ trách Vận hành). Hệ thống Đăng ký các-bon Quốc gia Bhutan (BNCR) đang hoạt động. Cho đến nay chưa có đợt chuyển giao quốc tế nào theo Điều 6.
 Papua New Guinea	<ul style="list-style-type: none"> Quy định về (Quản lý) Biến đổi Khí hậu (Thị trường các-bon) năm 2025 bắt buộc chia sẻ doanh thu 7% trên tổng doanh thu từ việc bán tín chỉ các-bon cho Cơ quan Thẩm quyền Quốc gia (DNA). 	Văn bản pháp lý Quy định (Quản lý) Biến đổi Khí hậu (Thị trường các-bon) năm 2025 cung cấp cơ sở pháp lý cho các hoạt động theo Điều 6 tại quốc gia này.	<ul style="list-style-type: none"> Các cơ cấu tổ chức, thủ tục và yêu cầu chi tiết được mô tả trong Quy định (Quản lý) Biến đổi Khí hậu (Thị trường các-bon) 2025. Cho đến nay chưa có đợt chuyển giao quốc tế nào theo Điều 6.

3. Thông lệ quốc tế

3.2 Kinh nghiệm từ các quốc gia chủ nhà (bên bán) tiềm năng

Quốc gia bán	Chính sách và Chiến lược	Khung pháp lý và quy định	Thủ tục và cơ cấu tổ chức vận hành
 Ghana	<ul style="list-style-type: none"> Khung quốc gia toàn diện, tỷ lệ giữ lại 1% tín chỉ, cơ cấu biểu phí bao gồm cả phí CA. Chấp nhận các tiêu chuẩn các-bon quốc tế và mọi mục đích sử dụng ITMO đã được cấp phép. 	<p>Khung thị trường các-bon bao gồm các hướng dẫn và quy tắc vận hành chi tiết cho các phương pháp tiếp cận hợp tác theo Điều 6.2.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Văn phòng Thị trường các-bon (trực thuộc EPA) xử lý các hoạt động vận hành. Hệ thống Đăng ký các-bon Ghana (GCR) đã hoàn thành đợt chuyển giao đầu tiên vào năm 2025.
 Rwanda	<ul style="list-style-type: none"> Sổ tay Thủ tục giới hạn Điều 6 đối với các mục tiêu NDC có điều kiện. Bắt buộc giữ lại 1% trong quỹ dự phòng quốc gia và chia sẻ 15% doanh thu cho các ưu tiên trong nước. Gold Standard (GS), Verra, American các-bon Registry (ACR) và Global các-bon Council (GCC) đủ điều kiện theo Thỏa thuận Thực thi với Singapore. 	<p>Khung Thị trường các-bon Quốc gia, Sổ tay Thủ tục cho Thị trường các-bon, và Chỉ thị cấp Bộ số 001/MoE/26 nêu chi tiết các hướng dẫn và cơ cấu biểu phí.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Các cơ cấu tổ chức, thủ tục và yêu cầu chi tiết được mô tả trong Khung Thị trường các-bon Quốc gia và Sổ tay Thủ tục cho Thị trường các-bon. Bắt buộc thiết lập một hệ thống đăng ký ITMO đầy đủ chức năng để theo dõi mọi đợt chuyển giao ITMO. Tính đến năm 2026, Rwanda đã phát hành nhiều Thư chấp thuận (LoA).
 Malawi	<ul style="list-style-type: none"> Khung Thị trường các-bon cung cấp chi tiết về danh mục dự án ưu tiên (positive list), bắt buộc giữ lại 5% từ các dự án Điều 6.2, 1% từ các dự án Điều 6.4, và có một hệ thống biểu phí bài bản. Chấp nhận các tiêu chuẩn các-bon quốc tế (GS, VCS và CDM). 	<p>Khung Thị trường các-bon bao gồm các hướng dẫn vận hành chi tiết để triển khai thực hiện Điều 6.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Các cơ cấu tổ chức, thủ tục và yêu cầu chi tiết được mô tả trong Khung Thị trường các-bon. Sử dụng Hệ thống Đăng ký các-bon Malawi (MCRS) để theo dõi dự án.
 Kenya	<ul style="list-style-type: none"> Quy định về Biến đổi Khí hậu (Thị trường các-bon) năm 2024 quy định cơ cấu biểu phí và cơ cấu chia sẻ lợi ích. Chưa có chi tiết về danh mục dự án ưu tiên, cũng như các tiêu chuẩn và phương pháp luận được chấp nhận. 	<p>Cơ sở pháp lý cho hợp tác Điều 6 được thiết lập thông qua Quy định về Biến đổi Khí hậu (Thị trường các-bon) năm 2024.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Các cơ cấu tổ chức, thủ tục và yêu cầu chi tiết được mô tả trong Quy định về Biến đổi Khí hậu (Thị trường các-bon) năm 2024. Hệ thống Đăng ký các-bon Quốc gia Kenya (KNCR) được ra mắt vào năm 2026.
 Chile	<ul style="list-style-type: none"> Dự thảo chi tiết về danh mục dự án ưu tiên, trong đó một số loại hình dự án có tỷ lệ kết quả giảm nhẹ được cấp phép khác nhau, tùy thuộc vào quy mô và mức độ của công nghệ giảm nhẹ. Không đề cập đến cơ cấu biểu phí. Chấp nhận các tiêu chuẩn các-bon quốc tế và mọi mục đích sử dụng ITMO đã được cấp phép. 	<p>Khung quy định về Điều 6 đã được thông qua thông qua Sắc lệnh Tối cao 32/2024. Lộ trình cho Công cụ Định giá các-bon và Thị trường các-bon cung cấp thêm hướng dẫn để vận hành Điều 6.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Các cơ cấu tổ chức, thủ tục và yêu cầu chi tiết được quy định trong luật khung về Điều 6. Có hệ thống đăng ký các-bon quốc gia để theo dõi và phát hành ITMO. Tính đến nay đã có 5 dự án được cấp phép hoặc phê duyệt với Thụy Sĩ.
 Peru	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng hệ thống RENAMI và phân loại các biện pháp thành ba lĩnh vực: Các biện pháp Giảm nhẹ NDC (mang tính tuyên bố), Hợp tác theo Điều 6.2 (mang tính cấu thành), và Thị trường các-bon Tự nguyện (mang tính tuyên bố). Ưu tiên các biện pháp NDC có điều kiện để đủ điều kiện tham gia Điều 6. Không có tỷ lệ phần trăm giữ lại chính thức đối với ITMO. Đưa ra cơ cấu biểu phí và công nhận ba tiêu chuẩn (GS, Verra/VCS, PACM) cùng 15 phương pháp luận trong các lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp, chất thải và lâm nghiệp. 	<p>Sắc lệnh Tối cao số 010-2024-MINAM thiết lập các quy định vận hành của RENAMI và vai trò của các tổ chức</p>	<ul style="list-style-type: none"> Các cơ cấu tổ chức, thủ tục và yêu cầu được quy định trong Sắc lệnh Tối cao số 010-2024-MINAM. RENAMI là một nền tảng kỹ thuật số để theo dõi URE (Đơn vị Giảm phát thải). Cho đến nay chưa có dự án nào được cấp phép.

3. Thông lệ quốc tế

3.3 Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Phương pháp tiếp cận chính sách chiến lược

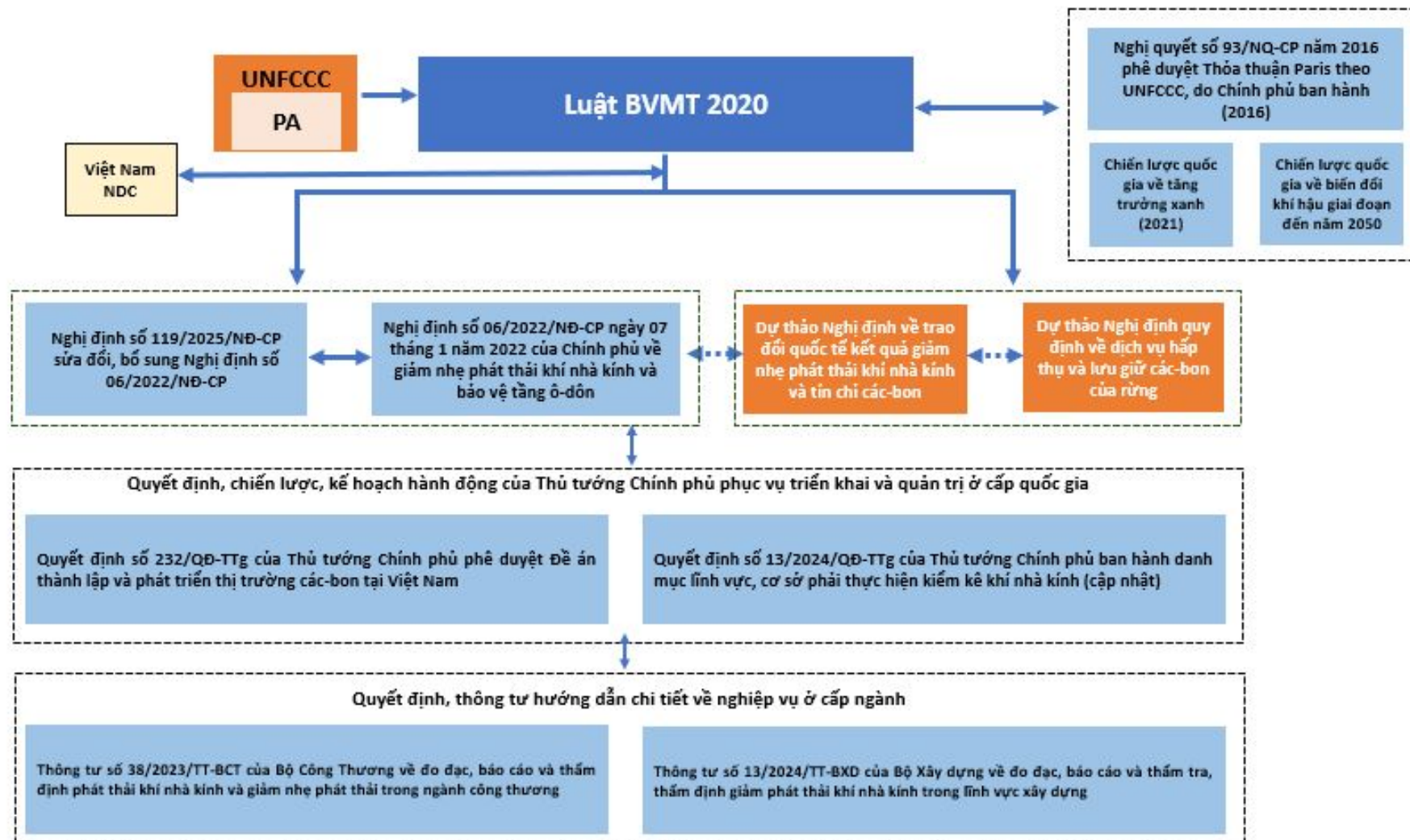
- **Khả năng dự đoán dài hạn:** Các khung chính sách cần được mở rộng quy mô sau năm 2030 nhằm đảm bảo tính khả thi về mặt tài chính (bankability) cho các dự án giảm nhẹ phát thải chi phí cao có thời gian khấu hao dài
- **Sự minh bạch ngay từ đầu về các biện pháp bảo vệ:** Để thu hút đầu tư, Việt Nam nên xác định và thông báo sớm các quy định về phí Điều chỉnh tương ứng (CA) cũng như tỷ lệ giữ lại tín chỉ (để thực hiện mục tiêu NDC trong nước)
- **Lập ngân sách ITMO chiến lược:** Thiết lập "ngân sách ITMO" nội bộ giúp ngăn chặn tình trạng bán quá mức các phương án giảm phát thải chi phí thấp, vốn là những nguồn lực cần thiết để đạt được các mục tiêu NDC quốc gia

Phương pháp tiếp cận về pháp lý

- **Giám sát tập trung:** Các mô hình thành công thường sử dụng một Cơ quan thẩm quyền quốc gia chuyên trách, được hỗ trợ bởi các ủy ban liên bộ với nhiệm vụ và quy trình vận hành rõ ràng
- **Cấp phép nhiều giai đoạn:** Việc áp dụng cách tiếp cận theo từng giai đoạn, từ Thư bày tỏ ý định (không bắt buộc) đến Tiền cấp phép (Pre-authorization) và cuối cùng là Thẩm định đạt yêu cầu, giúp giảm thiểu rủi ro cho các đơn vị phát triển dự án
- **Các biện pháp bảo vệ bắt buộc:** Việc thể chế hóa các quy định về chia sẻ lợi ích và các biện pháp bảo vệ môi trường/xã hội là một "yêu cầu bắt buộc về quy định" nhằm đảm bảo sự ủng hộ của cộng đồng địa phương và tính bền vững dài hạn
- **Khả năng tương tác của cơ sở hạ tầng:** Việc tận dụng các tiêu chuẩn MRV quốc tế trong khi vẫn duy trì Hệ thống đăng ký quốc gia giúp đảm bảo uy tín, tránh tính trùng và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác báo cáo quốc tế

4. Phân tích bối cảnh và mức độ sẵn sàng về pháp lý của Việt Nam

4.1 Khung pháp lý hiện hành của Việt Nam đối với sự phát triển thị trường các-bon



Tổng quan hệ thống pháp lý cho thị trường các-bon tại Việt Nam

4. Phân tích bối cảnh và mức độ sẵn sàng về pháp lý của Việt Nam

4.2 Khung pháp lý đang hình thành cho việc chuyển giao quốc tế các kết quả giảm nhẹ

- ✓ **Dự thảo Nghị định về trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon**
 - **Tình trạng:** Được đưa ra tham vấn công chúng vào cuối tháng 10 năm 2025
 - **Nhiệm vụ:** Thực hiện đầy đủ Điều 139 của Luật BVMT 2020 và phù hợp với khung Điều 6 của Thỏa thuận Paris
 - **Phạm vi:** Cung cấp cơ sở pháp lý chính cho các quy tắc, quy trình và trách nhiệm thể chế đối với hợp tác các-bon quốc tế

- ✓ **Các mục tiêu chính và khoảng trống được nêu ra**
 - **Bảo vệ tính toàn vẹn của NDC:** Thiết lập một cách tiếp cận có cấu trúc đối với tỷ lệ kết quả giảm nhẹ được giữ lại cho các mục tiêu quốc gia.
 - **Tính chặt chẽ trong kế toán:** Luật hóa việc áp dụng Điều chỉnh tương ứng (CA) và các quy trình thu hồi giấy phép cấp phép.
 - **Tính thống nhất trong nước:** Đảm bảo các quy tắc chuyển giao quốc tế tương thích với thị trường các-bon trong nước dự kiến vận hành vào năm 2026.
 - **Sự chắc chắn cho nhà đầu tư:** Đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng từ các đơn vị phát triển dự án thông qua việc cung cấp cơ sở pháp lý rõ ràng cho các dự án giảm nhẹ phát thải có hiệu quả về chi phí.

4. Phân tích bối cảnh và mức độ sẵn sàng về pháp lý của Việt Nam

4.3 Rà soát Dự thảo Nghị định của Chính phủ về chuyển giao quốc tế

✓ Đánh giá sơ bộ

- **Cột mốc quan trọng:** Thể hiện một bước nền tảng hướng tới việc thiết lập sự chắc chắn về mặt pháp lý cho các nhà đầu tư và đảm bảo sự phù hợp với Thỏa thuận Paris
- **Các lĩnh vực cần hoàn thiện:** Đánh giá hiện tại xác định nhu cầu về sự phối hợp liên bộ rõ ràng hơn, hợp lý hóa logic quản lý hành chính và cung cấp các hướng dẫn kỹ thuật chi tiết hơn về khả năng liên thông (interoperability) của hệ thống đăng ký

Cấu trúc chính: Dự thảo Nghị định về trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon

- **Chương I** – Những quy định chung
- **Chương II** – Chuyển giao quốc tế trong khuôn khổ Điều 6.2
- **Chương III** – Chuyển giao quốc tế theo Điều 6.4
- **Chương IV** – Chuyển giao quốc tế ngoài Điều 6.2 và 6.4
- **Chương V** – Điều chỉnh tương ứng & Tỷ lệ chuyển giao
- **Chương VI** – Hệ thống đăng ký quốc gia
- **Chương VII** – Trách nhiệm của các Bộ và Chính quyền địa phương
- **Chương VIII** – Điều khoản thi hành
- **Phụ lục** – Danh mục các biện pháp giảm nhẹ, tỷ lệ chuyển nhượng tối đa, và các mẫu đơn cùng biểu mẫu đăng ký tiêu chuẩn

Tham vấn

Đánh giá/ Bộ NNMT
Tổng hợp

Thẩm định pháp lý
(Bộ Tư pháp)

Phê duyệt cuối cùng
(Chính phủ)

4. Phân tích bối cảnh và mức độ sẵn sàng về pháp lý của Việt Nam

4.4 Rà soát khung thể chế và kỹ thuật liên quan

Thẩm quyền tối cao và định hướng chính sách (Quyết định số 232/QĐ-TTg)

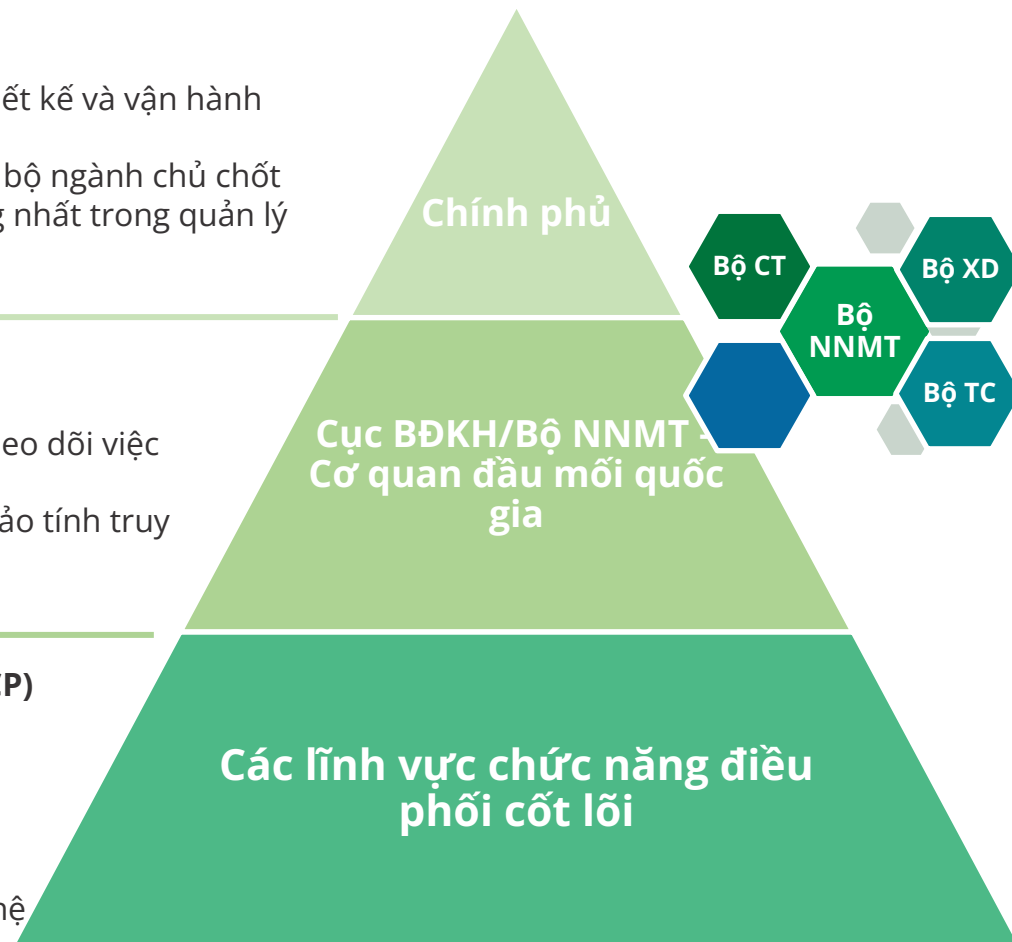
- Đầu mối quốc gia: Bộ NNMT đóng vai trò là cơ quan trung tâm trong việc thiết kế và vận hành cấu trúc thị trường các-bon
- Phối hợp liên bộ/ngành: Bộ NNMT chủ trì một khung phối hợp bao gồm các bộ ngành chủ chốt (như Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, v.v.) để đảm bảo sự thống nhất trong quản lý dữ liệu phát thải và chính sách giảm nhẹ

Hạ tầng kỹ thuật và hệ thống đăng ký (Thông tư số 11/2026/TT-BNNMT)

- Hệ thống đăng ký quốc gia: Một nền tảng điện tử do Bộ NNMT quản lý để theo dõi việc cấp phát, chuyển nhượng, nộp trả và hủy bỏ các hạn ngạch và tín chỉ.
- Chức năng chính: Cấp mã, seri riêng biệt, quản lý lịch sử tài khoản và đảm bảo tính truy xuất nguồn gốc để tránh tính trùng (double counting)

Mức độ sẵn sàng cho MRV & nền tảng kế toán (Nghị định số 119/2025/NĐ-CP)

- Tình trạng khung: Thiết lập các thủ tục báo cáo cấp cơ sở và MRV cấp ngành
- Liên kết phương pháp luận: Cho phép công nhận các phương pháp luận từ các cơ chế quốc tế như Điều 6.4
- Khoảng trống hiện tại: Các quy trình hoạt động cho các Điều chỉnh tương ứng (CA) và tích hợp vào báo cáo quốc gia theo Điều 13 ETF vẫn chưa được hệ thống hóa đầy đủ



4. Phân tích bối cảnh và mức độ sẵn sàng về pháp lý của Việt Nam

4.5 Tiềm năng thị trường và các lựa chọn giao dịch

Điều 6.2

Cho phép trao đổi song phương/đa phương ITMO để phục vụ NDC hoặc các mục tiêu giảm nhẹ quốc tế khác (CORSlA, thị trường tự nguyện, v.v.), trong đó bắt buộc áp dụng điều chỉnh tương ứng nhằm bảo đảm tính minh bạch và tính toàn vẹn môi trường. Việt Nam hiện chưa xây dựng một khuôn khổ pháp lý chính thức, nhưng đang chủ động tham gia hợp tác quốc tế.



JCM với Nhật Bản – đang thảo luận về việc áp dụng điều chỉnh tương ứng.



Singapore – vào tháng 10 năm 2022, hai chính phủ đã ký Biên bản ghi nhớ về hợp tác tín chỉ các-bon.



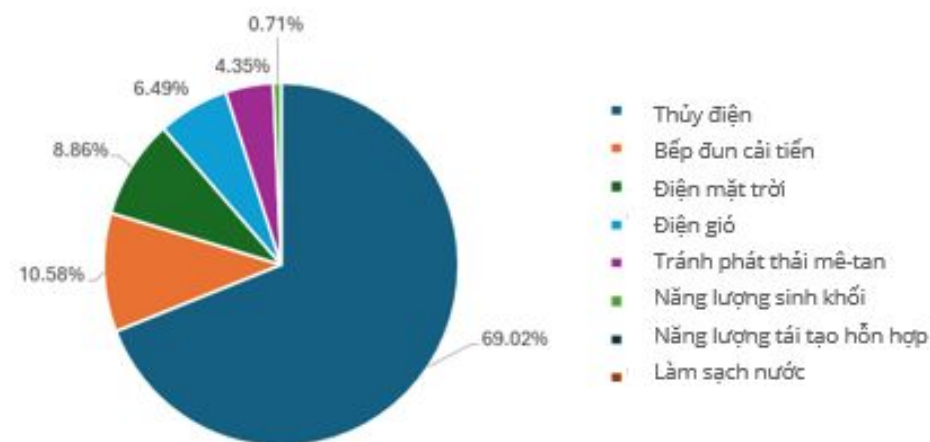
Hàn Quốc – Biên bản ghi nhớ năm 2023 về hợp tác biến đổi khí hậu nêu các lĩnh vực hợp tác, bao gồm tín chỉ các-bon và phát triển các dự án giảm nhẹ chung.

Đặt nền móng cho thị trường các-bon quốc tế, thu hút đầu tư và hỗ trợ kỹ thuật, đồng thời thúc đẩy việc đạt được các mục tiêu khí hậu.

Điều 6.4

Một cơ chế thị trường tập trung dưới sự giám sát của Cơ quan giám sát Điều 6.4. Cơ chế này kế thừa CDM nhưng áp dụng các tiêu chuẩn chặt chẽ hơn: tính bổ sung, điều chỉnh tương ứng, và chứng minh đóng góp cho phát triển bền vững. Cơ chế cho phép cả khu vực tư và khu vực công tạo ra A6.4ERs để sử dụng cho việc thực hiện NDC hoặc các mục tiêu giảm nhẹ quốc tế khác.

Lượng giảm phát thải tiềm năng giai đoạn 2021 – 2030 của các dự án đề nghị chuyển tiếp: 45,289,218 tCO₂e



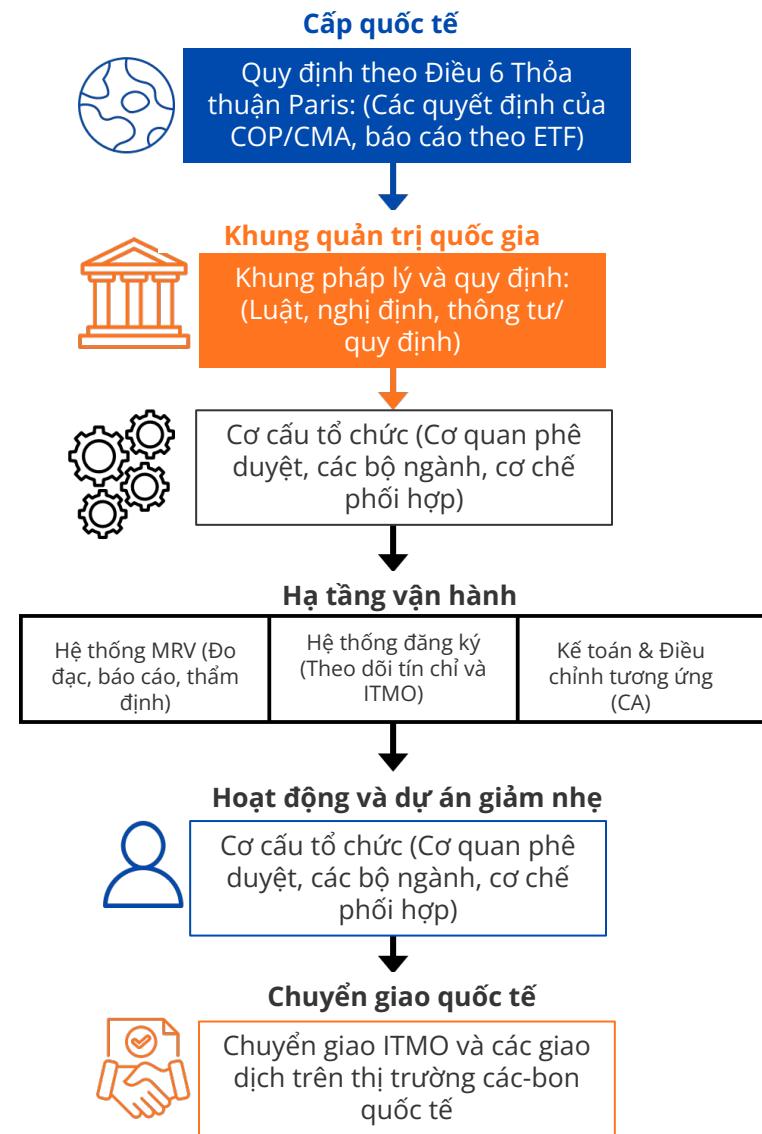
Hiện trạng và tiềm năng giao dịch tín chỉ các-bon và các kết quả giảm nhẹ từ Việt Nam ra thị trường quốc tế

4. Phân tích bối cảnh và mức độ sẵn sàng về pháp lý của Việt Nam

4.5 Tiềm năng thị trường và các lựa chọn giao dịch

Các yếu tố then chốt để thành công khi tham gia thị trường

- Đồng bộ hóa MRV:** Điều chỉnh hoạt động theo dõi trong nước phù hợp với **Khung minh bạch tăng cường (ETF)** nhằm đảm bảo sự tin cậy quốc tế
- Khả năng tương tác của hệ thống đăng ký:** Đảm bảo **Hệ thống đăng ký quốc gia (Thông tư số 11/2026/TT-BNNMT)** đủ năng lực kỹ thuật để thực hiện các giao dịch ITMO an toàn, có khả năng truy xuất nguồn gốc tới các hệ thống quốc tế
- Quy trình quản trị:** Thiết lập các quy trình cấp phép minh bạch nhằm mang lại tính chắc chắn về pháp lý cho các nhà đầu tư



Khung khái niệm cho việc triển khai Điều 6 ở cấp quốc gia

5. Phân tích khoảng trống

5.1 Khung pháp lý và quy định

Các khoảng trống quan trọng được xác định

- **Phạm vi và tính nhất quán:** Tồn tại sự mơ hồ trong mối quan hệ giữa việc chuyển nhượng quốc tế và thị trường các-bon trong nước đang hình thành (dự kiến vận hành vào năm 2026)
- **Sự phân mảnh về quy định:** Có khả năng chồng chéo và không nhất quán giữa Nghị định về ITMO với các quy định hiện hành (Nghị định 06/2022, Nghị định 119/2025) và Dự thảo Nghị định về các-bon rừng
- **Định nghĩa kỹ thuật:** Các thuật ngữ cốt lõi, bao gồm ITMO, Điều chỉnh tương ứng (CA) và Tính bổ sung, cần được điều chỉnh chặt chẽ hơn với các tiêu chuẩn của UNFCCC/Thỏa thuận Paris để đảm bảo cách giải thích thống nhất
- **Thực thi và tính toàn vẹn:** Khung pháp lý hiện tại thiếu các quy trình chi tiết về chế tài xử phạt, thu hồi tín chỉ và giải quyết tranh chấp giữa các tổ chức trong nước và các đối tác quốc tế

Nhu cầu chiến lược

- Thiết lập một **hệ thống phân cấp pháp lý rõ ràng** nhằm tránh sự trùng lặp về quy định
- Luật hóa các nguyên tắc về **tính toàn vẹn môi trường** nhằm củng cố niềm tin của nhà đầu tư

5. Phân tích khoảng trống

5.2 Cơ cấu tổ chức và quản trị

Khoảng trống trong quản trị và phối hợp

- **Vai trò chủ trì chưa được xác định:** Thiếu sự phân định rõ ràng về việc bộ nào sẽ chủ trì quá trình đàm phán và ký kết các thỏa thuận theo Điều 6.2
- **Giám sát chuyên ngành:** Các vai trò chồng chéo hoặc mới chỉ được định nghĩa một phần giữa các Bộ (Bộ NNMT, Bộ CT, Bộ XD, Bộ TC) liên quan đến công tác giám sát kỹ thuật và các khía cạnh tài chính của giao dịch ITMO
- **Vướng mắc trong phối hợp:** Các cơ chế phối hợp giữa Bộ NNMT/ Cục BĐKH và các bộ quản lý lĩnh vực chưa thỏa đáng để thực hiện việc phê duyệt dự án đồng bộ, rà soát kỹ thuật và theo dõi ITMO xuyên suốt giữa các bộ
- **Sự thiếu rõ ràng ở cấp địa phương:** Thẩm quyền cụ thể của chính quyền cấp tỉnh trong các hoạt động giám sát và huy động sự tham gia của các bên liên quan ở cấp địa phương vẫn chưa được định nghĩa rõ ràng

Khoảng trống về quy trình và hành chính

- **Trình tự thực hiện quy định:** Thiếu sự chắc chắn về cách thức Dự thảo Nghị định ITMO sắp xếp trình tự phối hợp với các luật đã ban hành, bao gồm Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) và Luật Đầu tư công
- **Thiếu sự chuẩn hóa về khung thời gian:** Thiếu thời hạn hành chính và quy trình tham vấn rõ ràng trong các chu kỳ rà soát và cấp phép dự án
- **Tiêu chí đánh giá kỹ thuật:** Các tiêu chí minh bạch phục vụ đánh giá kỹ thuật và các bước ra quyết định vẫn chưa được thể chế hóa đầy đủ
- **Lộ trình thẩm tra:** Các lộ trình công nhận kết quả giảm nhẹ trong khung pháp lý rộng hơn ở cả cấp độ trong nước và quốc tế chưa được xác định rõ ràng

5. Phân tích khoảng trống

5.3 Mức độ sẵn sàng cho MRV & nền tảng kế toán

Nền tảng Kế toán

- **Các quy trình kỹ thuật về CA:** Thiếu các quy trình kỹ thuật cụ thể để tính toán và ghi nhận các Điều chỉnh tương ứng (CA) trong hệ thống kế toán quốc gia.
- **Nhiệm vụ thể chế:** Trách nhiệm của các bộ ngành liên quan trong việc cấp phép và thực hiện CA vẫn chưa được xác định rõ ràng.
- **Điều kiện chuyển giao:** Thiếu các quy tắc rõ ràng về quản lý việc chuyển giao ITMO trong những giai đoạn mà tiến trình thực hiện NDC còn chưa ổn định hoặc đang có sự thay đổi.
- **Cơ chế tránh tính trùng:** Thiếu các cơ chế cụ thể và chặt chẽ ngoài các nguyên tắc chung để đảm bảo các đơn vị (tín chỉ/kết quả giảm nhẹ) chỉ được tính một lần duy nhất.
- **Khả năng liên thông với hệ thống của UNFCCC:** Cần có sự đồng bộ về mặt kỹ thuật giữa hệ thống trong nước và các nền tảng kế toán quốc tế theo Điều 6.2/6.4, bao gồm cả nghĩa vụ báo cáo theo Khung minh bạch tăng cường (ETF) của Điều 13

Thẩm định/ Thẩm tra

- **Công nhận VVB:** Các quy trình về công nhận hoặc thừa nhận chính thức đối với các Tổ chức Thẩm định và Thẩm tra (VVB) theo khung pháp lý mới còn chưa rõ ràng.
- **Tiêu chuẩn chuyên môn:** Thiếu các tiêu chuẩn năng lực và yêu cầu chuyên môn được xác định cụ thể đối với các VVB.
- **Giám sát chất lượng:** Thiếu các cơ cấu tổ chức phục vụ cho việc giám sát liên tục và đảm bảo chất lượng đối với các quy trình thẩm tra độc lập.
- **Khung trách nhiệm pháp lý:** Thiếu khung pháp lý quy định trách nhiệm của các tổ chức VVB trong các trường hợp xảy ra sai sót kỹ thuật, báo cáo sai lệch hoặc gian lận

Sự thống nhất về chính sách (không áp dụng điều chỉnh)

- **Tiêu chí không áp dụng điều chỉnh:** Thiếu rõ ràng trong việc xác định các danh mục giảm nhẹ hoặc các điều kiện cụ thể nào sẽ không yêu cầu thực hiện Điều chỉnh tương ứng (CA).
- **Rủi ro đối với việc đạt mục tiêu NDC:** Chưa xác định được tác động của các chuyển giao không áp dụng điều chỉnh này đối với tính toàn vẹn tổng thể và khả năng đạt được mục tiêu NDC của Việt Nam.
- **Tính nhất quán trong nước:** Chưa làm rõ mối tương quan giữa các chuyển giao quốc tế không áp dụng điều chỉnh với sự phát triển của thị trường các-bon trong nước và các chính sách giảm nhẹ khác

5. Phân tích khoảng trống

5.4 Hạ tầng đăng ký và theo dõi

Nền tảng hiện tại

Thông tư số 11/2026/TT-BNNMT

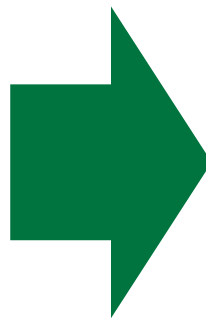
- **Hệ thống đăng ký quốc gia:** Được thiết lập là nền tảng điện tử trung tâm do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý nhằm theo dõi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon
- **Khả năng theo dõi:** Có nhiệm vụ quản lý các số seri nội địa riêng biệt (mã định danh duy nhất), lịch sử sở hữu và tính kết nối với sàn giao dịch các-bon trong nước

Các khoảng trống quan trọng được xác định

- **Quản trị thể chế:** Hiện đang thiếu các quy định cụ thể về trách nhiệm trong vận hành hệ thống hàng ngày, quản lý dữ liệu và giám sát tuân thủ đối với hệ thống đăng ký.
- **Khả năng liên thông quốc tế:** Các hệ thống hiện tại thiếu kiến trúc kỹ thuật cần thiết (định dạng dữ liệu, giao diện và giao thức) để đồng bộ hóa với hệ thống đăng ký quốc tế của UNFCCC theo Điều 6.2 và 6.4.
- **Tính minh bạch và Quyền truy cập dữ liệu:** Các quy định về quyền tiếp cận dữ liệu dự án nhạy cảm đối lập với các yêu cầu bảo mật trong giao dịch thương mại vẫn còn chưa rõ ràng.
- **An ninh và Tính toàn vẹn dữ liệu:** Dù đã có các nguyên tắc cấp cao, nhưng khung quản lý vẫn thiếu các biện pháp bảo vệ kỹ thuật nghiêm ngặt để ngăn chặn việc truy cập trái phép hoặc thao túng dữ liệu.
- **Đồng bộ hóa liên hệ thống:** Các quy trình vận hành nhằm phê duyệt và đồng bộ dữ liệu giữa hệ thống đăng ký quốc gia và các nền tảng theo dõi quốc tế vẫn chưa được thể chế hóa.

5.5 Sự tham gia của khu vực tư nhân và môi trường đầu tư

- **Sự tham gia theo lĩnh vực:** Sự quan tâm ngày càng lớn từ cả các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân trong các lĩnh vực có tiềm năng giảm nhẹ phát thải lớn, như năng lượng tái tạo, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp (giảm phát thải mê-tan) và quản lý chất thải.
- **Nhu cầu thúc đẩy bởi nghĩa vụ tuân thủ:** Việc tham gia vào cơ chế CORSIA từ năm 2026 tạo ra nhu cầu trực tiếp; Vietnam Airlines ước tính cần khoảng 400.000 tín chỉ/năm vào năm 2026 và sẽ tăng lên hơn 1 triệu tín chỉ sau năm 2030.
- **Các sáng kiến của doanh nghiệp:** Động lực ban đầu được thúc đẩy bởi các dự án như hệ sinh thái xe điện (hạ tầng trạm sạc) và nông nghiệp bền vững thông qua các chương trình hợp tác song phương



Khoảng trống trong môi trường đầu tư

- **Sự thiếu rõ ràng về cơ chế tài chính:** Hiện vẫn thiếu các quy định cụ thể về chính sách thuế, phí quản lý hành chính và các mô hình chia sẻ lợi nhuận từ việc bán tín chỉ các-bon.
- **Định giá tài sản nhà nước:** Các quy trình định giá kết quả giảm nhẹ liên quan đến tài sản nhà nước hoặc đầu tư công vẫn chưa được xác định, gây ra rủi ro cho các mô hình đối tác công tư (PPP).
- **Các biện pháp an toàn môi trường và xã hội:** Khung pháp lý hiện tại thiếu các quy định chi tiết về việc chia sẻ lợi ích cộng đồng và sự đồng bộ với các tiêu chuẩn an toàn xã hội quốc tế, đặc biệt đối với các dự án trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp và sử dụng đất.
- **Hạn chế về năng lực:** Tồn tại những khoảng trống lớn trong sự hiểu biết của khu vực tư nhân về các yêu cầu MRV theo Điều 6 cũng như các nghiệp vụ ký kết hợp đồng tín chỉ các-bon phức tạp

5.6 Vị thế chiến lược trên thị trường các-bon quốc tế

Cơ sở chính sách và Mục tiêu chiến lược

- **Nền tảng pháp lý:** Xây dựng khung pháp lý chuyên biệt cho các hoạt động chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế phù hợp với giai đoạn phát triển thị trường hiện tại
- **Tính thống nhất trong chính sách:** Đảm bảo các cơ chế hợp tác quốc tế hỗ trợ cho các chính sách khí hậu hiện hành và góp phần thực hiện các cam kết về khí hậu dài hạn của Việt Nam
- **Vai trò chiến lược:** Tận dụng các cơ chế hợp tác theo Điều 6 để hỗ trợ các ưu tiên giảm nhẹ phát thải quốc gia, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và huy động các nguồn lực đầu tư

Phát triển thị trường

- **Sự cộng hưởng với hệ thống ETS nội địa:** Quản lý mối quan hệ giữa các cơ chế chuyển giao quốc tế và thị trường các-bon trong nước nhằm đảm bảo cả hai hệ thống phát triển đồng bộ và hỗ trợ lẫn nhau
- **Bảo vệ việc thực hiện NDC:** Cân bằng giữa các quan hệ đối tác giảm nhẹ quốc tế với yêu cầu thiết yếu về đảm bảo thực hiện mục tiêu NDC và các mục tiêu khử các-bon dài hạn
- **Mức độ sẵn sàng của thị trường:** Điều chỉnh các hoạt động chuyển giao quốc tế phù hợp với năng lực thể chế và mức độ sẵn sàng của thị trường trong nước nhằm đảm bảo tính nhất quán của chính sách.

Giá trị dài hạn và an toàn trong đầu tư

- **Tầm nhìn sau năm 2030:** Định vị Việt Nam nhằm khai thác các giá trị ngoài giai đoạn NDC hiện tại, đảm bảo tính khả thi về tài chính (bankability) và sự bền vững của các dự án giảm nhẹ phát thải có chi phí cao
- **Tính toàn vẹn môi trường:** củng cố vị thế của Việt Nam là một nhà cung cấp uy tín trên thị trường thông qua việc tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về tính toàn vẹn môi trường của Thỏa thuận Paris

6. Khuyến nghị

6.1 Kết luận

Nền tảng chính sách quốc gia vững chắc

- Việt Nam đã thiết lập một cơ sở pháp lý vững chắc cho hành động khí hậu thông qua Luật BVMT 2020, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
- Các văn bản này tạo ra khung pháp lý cần thiết cho công tác kiểm kê khí nhà kính, lập kế hoạch giảm nhẹ phát thải và phát triển theo lộ trình hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải trong nước

Tầm quan trọng chiến lược của Nghị định về ITMO

- Dự thảo Nghị định về ITMO là một cột mốc quan trọng để vận hành Điều 6.2 và 6.4 của Thỏa thuận Paris
- Văn bản này cung cấp cơ sở pháp lý chính cho việc đăng ký dự án, cấp phép các giao dịch chuyển giao quốc tế và thực hiện các Điều chỉnh tương ứng (CA) bởi Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Khoảng trống



Phối hợp liên ngành: Chức năng nhiệm vụ và cơ chế ra quyết định trong việc phê duyệt liên bộ hiện vẫn chưa được phân định rõ ràng

Mức độ sẵn sàng về kỹ thuật: Các quy trình MRV (Đo đạc, Báo cáo và Thẩm định) và kế toán chi tiết cho các giao dịch chuyển giao quốc tế cần được thể chế hóa sâu hơn để đảm bảo tính toàn vẹn môi trường

Sự thống nhất về chính sách: Cần có sự điều chỉnh giữa các quy định chuyển giao quốc tế với thị trường các-bon trong nước đang hình thành nhằm đảm bảo hai hệ thống này phát triển song song

Cơ sở phân tích: Việc xác định các hoạt động giảm nhẹ đủ điều kiện và hạn mức chuyển giao tại Phụ lục I cần một nền tảng phân tích minh bạch và chặt chẽ hơn.

6. Khuyến nghị

6.2 Khuyến nghị

Củng cố nền tảng pháp lý

Làm rõ phương pháp điều chỉnh tương ứng (CA): Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật quy định cụ thể về phương pháp kế toán, thời điểm và các tiêu chí kích hoạt thực hiện Điều chỉnh tương ứng (CA) nhằm gia tăng tính dự báo cho các bên đối tác.

Sự thống nhất giữa các lĩnh vực: Rà soát và giải quyết sự chong chéo giữa Nghị định về ITMO và các văn bản pháp lý khác (ví dụ như quy định về dịch vụ các-bon rừng), hướng tới áp dụng cơ chế xử lý "một cửa"

Tăng cường quản trị thể chế

Phối hợp liên bộ: Thiết lập một cơ chế quản trị chính thức với Điều khoản tham chiếu (ToR) được xác định rõ ràng để giám sát tính đủ điều kiện của dự án và các thủ tục cấp phép.

Quy trình vận hành tiêu chuẩn (SOP): Chính thức hóa và công khai các bước cũng như thời hạn ban hành Thư chấp thuận (LoA) nhằm giảm bớt sự thiếu chắc chắn cho các nhà đầu tư

Thúc đẩy hạ tầng kỹ thuật

Hệ thống đăng ký các-bon quốc gia: Ưu tiên phát triển một hệ thống đăng ký an toàn, có khả năng theo dõi việc ban hành, chuyển giao và thu hồi tín chỉ, đảm bảo tuân thủ các yêu cầu báo cáo của UNFCCC.

Các quy thức MRV chuẩn hóa: Xây dựng các đường cơ sở cho từng lĩnh vực cụ thể (đặc biệt là Năng lượng và Lâm nghiệp) phù hợp với các tiêu chuẩn của Điều 6.2 và 6.4

Hỗ trợ tham gia thị trường chiến lược

Giao dịch thí điểm: Tận dụng các Bản ghi nhớ (MoU) hiện có (ví dụ: với Nhật Bản qua JCM, hoặc với Singapore) để thử nghiệm thực tế các hệ thống hành chính và kỹ thuật.

Cơ chế giải quyết khiếu nại: Thiết lập một quy trình chính thức để xử lý các tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu tín chỉ và tác động đến các bên liên quan, nhằm đáp ứng kỳ vọng quốc tế về tính minh bạch và toàn vẹn

THANK YOU!

